

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập sầy (228326) - Nhóm 02**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: ...14.....

Số bài thi: ...14.....

Số tờ giấy thi: ...14.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>NĐN</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>NĐN</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A			<i>Hiệp</i>	8,5	8,5	8,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	2121180017	HUỖNH TRỌNG	18/12/2003	CCQ2118A			<i>Trọng</i>	8,0	8,0	8,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	2121180030	NGUYỄN KẾ	07/05/2003	CCQ2118A			<i>Học</i>	7,5	7,5	7,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	2121180023	LÊ ĐĂNG	28/04/2003	CCQ2118A			<i>Huy</i>	8,0	8,0	8,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	2121180027	DƯƠNG LÂM	02/07/2003	CCQ2118A			<i>Lâm</i>	8,5	8,5	8,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	2121180028	ĐÀO TRỌNG	03/07/2003	CCQ2118A			<i>Trọng</i>	8,5	8,5	8,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	2121180055	NGUYỄN TẤN	04/10/2003	CCQ2118B			<i>Tấn</i>	6,0	6,0	6,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	2121180026	TĂNG CHÂU BÌNH	29/05/2003	CCQ2118A			<i>Bình</i>	8,0	8,0	8,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG	12/04/2002	CCQ2118A			<i>Quyết</i>	7,5	7,5	7,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	2121180035	TRẦN ĐỨC	28/07/2003	CCQ2118A			<i>Đức</i>				<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT	24/10/2003	CCQ2118B			<i>Nhật</i>	7,0	7,0	7,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH	28/05/2003	CCQ2118B			<i>Minh</i>	6,5	6,5	6,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	2121180034	NGUYỄN QUANG	07/03/2003	CCQ2118A			<i>Quang</i>	8,5	8,5	8,5	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	2121180029	NGUYỄN MINH	09/10/2003	CCQ2118A			<i>Minh</i>	7,0	7,0	7,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	2121180051	NGUYỄN TÀI	16/08/1999	CCQ2118B			<i>Tài</i>	5,0	5,0	5,0	<i>V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập sản (228326) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B				6,0	6,0	6,0		
2	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B				8,7	8,7	8,7		
3	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B				8,5	8,5	8,5		
4	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B				8,0	8,0	8,0		
5	2121180046	NGUYỄN HOÀN ĐIỀU	10/07/2003	CCQ2118B				8,3	8,3	8,3		
6	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B				8,2	8,2	8,2		
7	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B				8,0	8,0	8,0		
8	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B				7,6	7,6	7,6		
9	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B				6,0	6,0	6,0		
10	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B				8,7	8,7	8,7		
11	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B				5,5	5,5	5,5		
12	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B								
13	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B				5,0	5,0	5,0		
14	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B				6,7	6,7	6,7		
15	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B				7,5	7,5	7,5		
16	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B				7,0	7,0	7,0		
17	2121180068	HUỲNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B				8,5	8,5	8,5		
18	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B				8,7	8,7	8,7		
19	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B				5,2	5,2	5,2		